



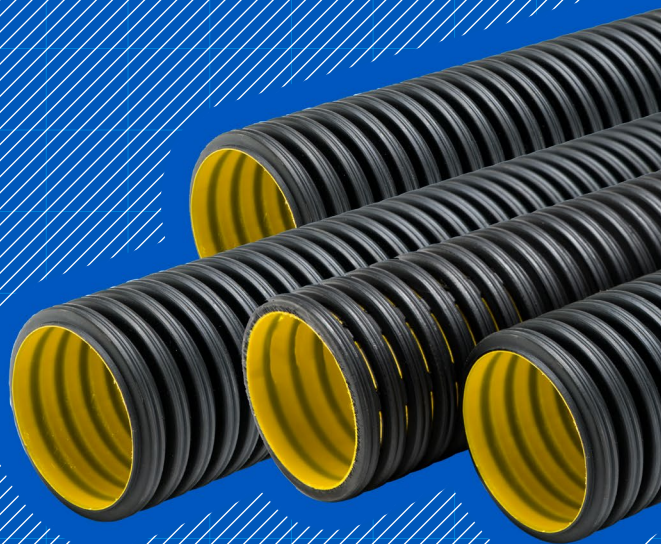
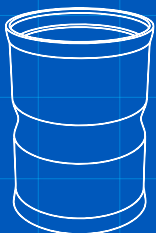
NHỰA BÌNH MINH[®]

CATTA

LOGUE

ỐNG & PHỤ TÙNG ống GÂN THÀNH ĐÔI HDPE

HDPE DOUBLE-WALL CORRUGATED
PIPES & FITTINGS



GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SẢN PHẨM

PRODUCT OVERVIEW

Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE gân thành đôi của Nhựa Bình Minh được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao, tuân thủ tiêu chuẩn EN 13476-3:2007 + A1:2009, DIN 4262-1:2001 và đạt chứng nhận Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD. Đây thuộc nhóm sản phẩm dẫn nước thải duy nhất tại Việt Nam đạt chứng nhận Sản phẩm Xanh Singapore (SGBP) ở cấp độ cao nhất - cấp độ “Dẫn đầu” dùng cho nước thải.

BMP's HDPE double-wall corrugated pipes and fittings are manufactured from high-density polyethylene plastic compounds, complying with EN 13476-3:2007 + A1:2009, DIN 4262-1:2001 standards and certified by National Technical Regulation QCVN 16:2019/BXD. This belongs to the wastewater drainage pipe group, the only one in Vietnam to achieve Singapore Green Building Product (SGBP) Certification at the highest “Leader” level Suitable for wastewater drainage systems.

VẬT LIỆU / MATERIAL

Ống và phụ tùng ống gân thành đôi HDPE được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao (HDPE).
HDPE double-wall corrugated pipes and fittings are manufactured from high density polyethylene compound (HDPE).

ĐẶC TÍNH VẬT LIỆU / MATERIAL PROPERTIES

Tính chất vật lý / Physical properties		
Tỷ trọng / Density	0,96 g/cm ³	0.96 g/cm ³
Điện trở suất bề mặt / Surface resistivity	10 ¹³ Ω	10 ¹³ Ω
Chỉ số chảy - MFR (190°C/5kg), tối đa / Melt flow rate - MFR (190°C/5kg), max	0,5 g/10 phút	0.5 g/10 minutes

Tính chất hóa học / Chemical properties

Chịu được / Resistance to:		Không chịu được / Not resistance to:	
	Các loại dung dịch axit <i>Acid solutions</i>		Các axit đậm đặc có tính oxy hóa <i>Oxidizing acids</i>
	Các loại dung dịch kiềm <i>Alkaline solutions</i>		Các tác nhân halogen <i>Halogen agents</i>
	Các loại dung môi yếu <i>Weak solvents</i>		

ỨNG DỤNG CỦA SẢN PHẨM

PRODUCT APPLICATIONS



Thích hợp dùng cho:

- Hệ thống ống dẫn nước thoát cho xa lộ;
- Hệ thống ống thoát nước cho sân golf;
- Hệ thống ống thoát nước dân dụng;
- Hệ thống ống thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp;
- Hệ thống ống lọc và lấy nước thải;
- Hệ thống ống bảo vệ cáp ngầm.

Suitable for:

- Pipelines for highway filter drains;
- Pipelines for Golf course land drainage;
- Pipelines for civil sewage system;
- Pipelines for transport and treating the waste water in the industry;
- Pipelines for leachable drainage;
- Pipelines protecting for underground cables.

TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

PRODUCT STANDARDS AND QUALITY

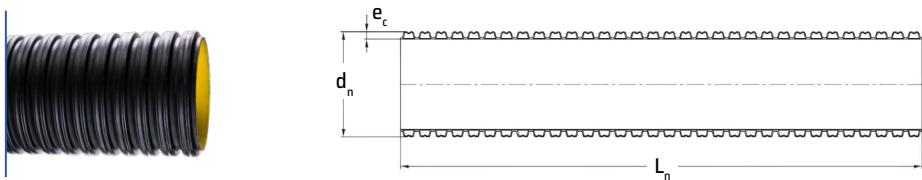
Phân loại / Type	Tiêu chuẩn / Standard
Ống gân HDPE thành đôi <i>HDPE double-wall corrugated pipe</i>	EN 13476-3 : 2007/ ISO 21138-3:2007/ TCVN 11821-3 : 2017
Ống gân HDPE thành đôi xẻ rãnh <i>Perforated HDPE double-wall corrugated pipe</i>	DIN 4262-1 : 2001
Phụ tùng ống gân HDPE <i>Fittings for HDPE double-wall pipe</i>	EN 13476-3:2007 + A1:2009

THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

TECHNICAL SPECIFICATIONS AND PACKAGING DETAILS

ỐNG GÂN THÀNH ĐÔI KHÔNG KHỚP NỐI

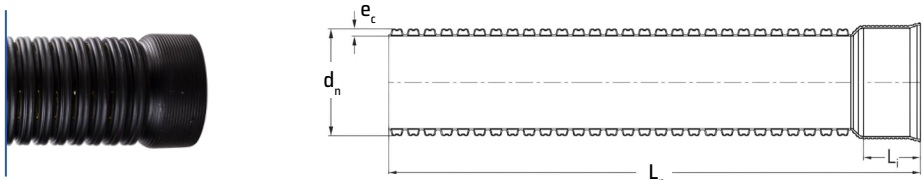
HDPE double-wall corrugated pipe without cuff



DN mm	dn mm	ec mm	SN kN/m²	Ln		
				4m	6m	8m
110	109.5	8	8	4000	6000	8000
160	157	10.3	8	4000	6000	8000
250	244.5	15.5	8	4000	6000	8000
315	309.5	19.6	8	4000	6000	8000
500	496	36	8	4000	6000	8000

ỐNG GÂN THÀNH ĐÔI CÓ KHỚP NỐI

HDPE double-wall corrugated pipe with cuff



DN mm	dn mm	Li	ec mm	SN kN/m²	Ln		
					3.85m	5.85m	7.85m
110	109.5	50	8	8	3850	5850	7850
160	157	70	10.3	8	3850	5850	7850
250	244.5	80	15.5	8	3850	5850	7850
315	309.5	105	19.6	8	3850	5850	7850
500	496	146	36	8	3850	5850	7850

Lưu ý / Note:

- DN** Kích thước danh nghĩa / Nominal size

dn Đường kính ngoài danh nghĩa / Nominal outside diameter

Li Chiều dài khớp nối / Socket length
- ec** Chiều cao gân / Corrugated height

SN Độ cứng vòng danh nghĩa / Nominal ring stiffness

Ln Chiều dài danh nghĩa / Nominal length

THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

TECHNICAL SPECIFICATIONS AND PACKAGING DETAILS

ỐNG GÂN THÀNH ĐÔI XỂ RÃNH - KIỂU MP

Perforated HDPE double-wall corrugated pipe - MP type



DN mm	a _{min} mm	b _{min} mm	n	S _{min} cm²
110	1	50	2	54
160	1.4	50	2	50
250	3	70	2	97
315	3	75	2	105
500	3	80	2	67

ỐNG GÂN THÀNH ĐÔI XỂ RÃNH - KIỂU LP

Perforated HDPE double-wall corrugated pipe - LP type



DN mm	a _{min} mm	b _{min} mm	n	S _{min} cm²
110	1	20	6	54
160	1.4	30	6	84
250	3	50	6	202
315	3	60	6	247
500	3	70	6	175

ỐNG GÂN THÀNH ĐÔI XỂ RÃNH - KIỂU TP

Perforated HDPE double-wall corrugated pipe - TP type



DN mm	a _{min} mm	b _{min} mm	n	S _{min} cm²
110	1	30	4	96
160	1.4	50	4	100
250	3	70	4	195
315	3	75	4	210
500	3	80	4	135

- a** Chiều rộng rãnh / Width of perforation

b Chiều dài rãnh / Length of perforation

n Số rãnh trên 1 chu vi ống / Quantity of perforation per circumference
- S** Tổng diện tích các rãnh trên 1 mét ống / Total area of perforation per one meter length

Quy cách đóng gói / Packaging

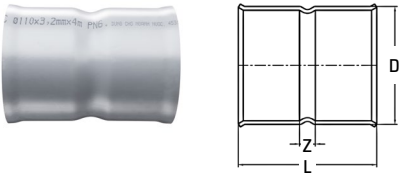
Sản xuất theo đơn đặt hàng / Make to order (MTO)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

TECHNICAL SPECIFICATIONS AND PACKAGING DETAILS

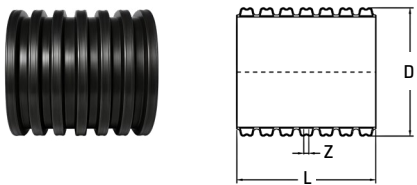
NỐI / Plain Socket

Sản phẩm gia công từ ống PVC-U
Fittings made from PVC-U pipe



DN mm	D _{min} mm	Z _{min} mm	L _{min} mm
110	117	10	120
160	167	18	207
250	258	18	261
315	324	30	315

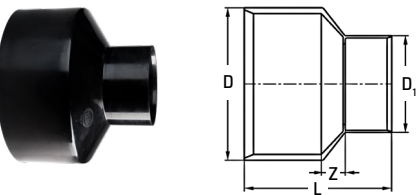
Sản phẩm gia công từ ống gân thành đôi HDPE
Fittings made from HDPE double-wall corrugated pipe



DN mm	D _{min} mm	Z _{min} mm	L _{min} mm
500	530	40	332

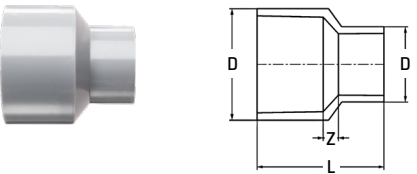
NỐI RÚT / Reducing Socket

Sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu PP
Fittings made from PP material



DN mm	D _{min} mm	D _{1min} mm	Z _{min} mm	L _{min} mm	 Cái/bao (Pcs/Bag)
250 x 160	260	167	26	198	6
315 x 250	326	260	21	233	5
315 x 160	326	167	46	238	5

Sản phẩm gia công từ ống PVC-U
Fittings made from PVC-U pipe



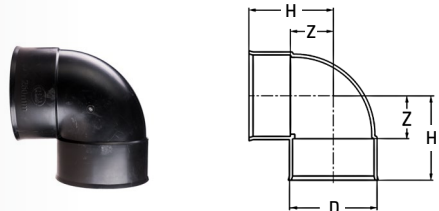
DN mm	D _{min} mm	D _{1min} mm	Z _{min} mm	L _{min} (mm)
160 x 110	168	117	25	145

THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

TECHNICAL SPECIFICATIONS AND PACKAGING DETAILS

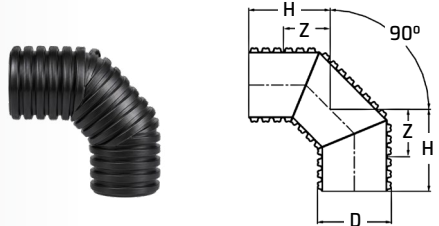
CO 90° / 90° Elbow

Sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu PP
Fittings made from PP material



DN mm	D _{min} mm	Z _{min} mm	H _{min} mm	 Cái/bao (Pcs/Bag)
110	120	55	105	
160	167	82	168	6
250	260	127	238	2
315	326	159	298	1

Sản phẩm gia công từ ống gân thành đôi HDPE
Fittings made from HDPE double-wall corrugated pipe



DN mm	D _{min} mm	Z _{min} mm	H _{min} mm
500	496	400	550

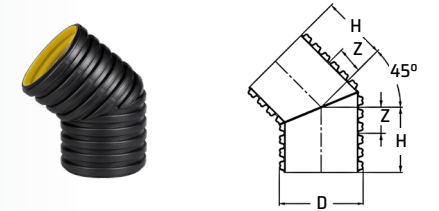
CO 45° / 45° Elbow

Sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu PP
Fittings made from PP material



DN mm	D _{min} mm	Z _{min} mm	H _{min} mm	 Cái/bao (Pcs/Bag)
110	120	23	73	
160	167	34	118	6
250	260	53	161	2
315	326	66	200	1

Sản phẩm gia công từ ống gân thành đôi HDPE
Fittings made from HDPE double-wall corrugated pipe



DN mm	D _{min} mm	Z _{min} mm	H _{min} mm
500	496	230	380

Sản phẩm gia công từ ống PVC-U
Fittings made from PVC-U pipe

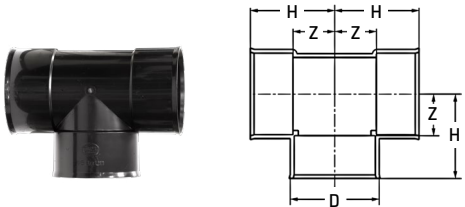


THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

TECHNICAL SPECIFICATIONS AND PACKAGING DETAILS

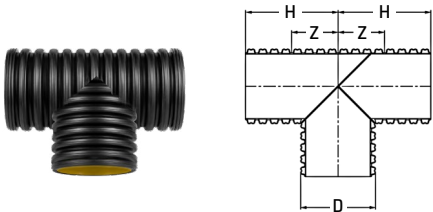
CHỮ T / Tee

Sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu PP
Fittings made from PP material



DN mm	D _{min} mm	Z _{min} mm	H _{min} mm	Cái/bao (Pcs/Bag)
110	120	55	105	
160	167	82	156	
250	260	127	220	
315	326	159	275	1

Sản phẩm gia công từ ống gân thành đôi HDPE
Fittings made from HDPE double-wall corrugated pipe



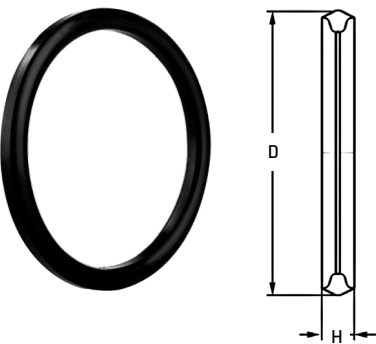
DN mm	D _{min} mm	Z _{min} mm	H _{min} mm
500	500	250	800

Sản phẩm gia công từ ống PVC-U
Fittings made from PVC-U pipe



Y GÂN / Y for corrugated pipe

GIOẪNG CAO SU / Rubber seal



DN mm	D _{min} mm	H _{min} mm
110	104	7
160	155	17
250	240	24
315	300	21
500	482	50

HƯỚNG DẪN KẾT NỐI ỐNG HDPE GÂN THÀNH ĐÔI

HDPE DOUBLE-WALL CORRUGATED PIPE CONNECTION GUIDE

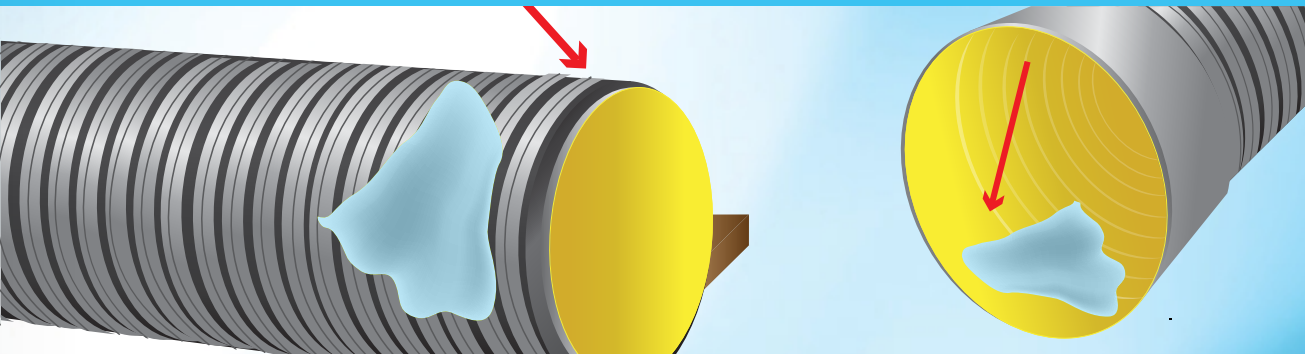
(Tham khảo video hướng dẫn tại <https://binhminhplastic.com.vn/san-pham/huong-dan-ky-thuat>)

(For installation instructions, please refer to the video at: <https://binhminhplastic.com.vn/san-pham/huong-dan-ky-thuat>)

Ống HDPE gân thành đôi được kết nối bằng gioăng cao su thông qua khớp nối tích hợp. Quy trình thi công bao gồm 6 bước tiêu chuẩn:

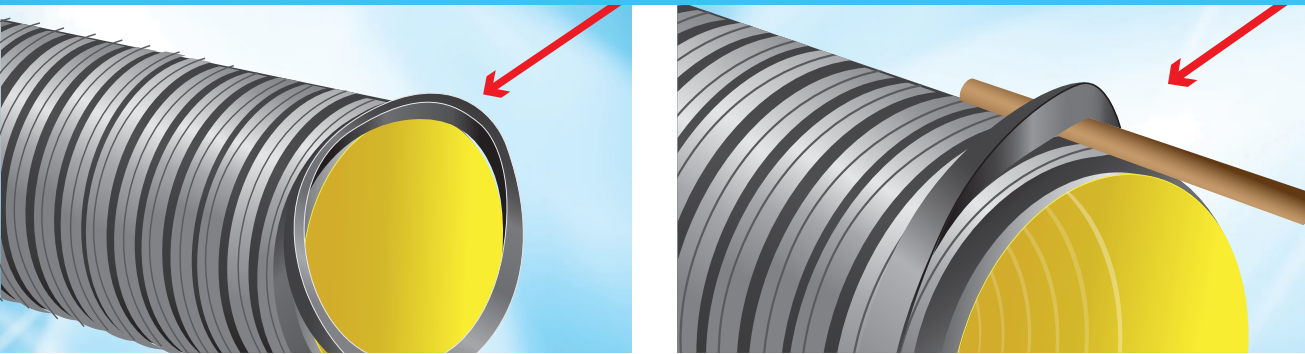
HDPE double-wall corrugated pipes are connected by rubber seals via integral cuffs. The installation procedure includes 6 standard steps:

1. Làm sạch bề mặt / Surface cleaning



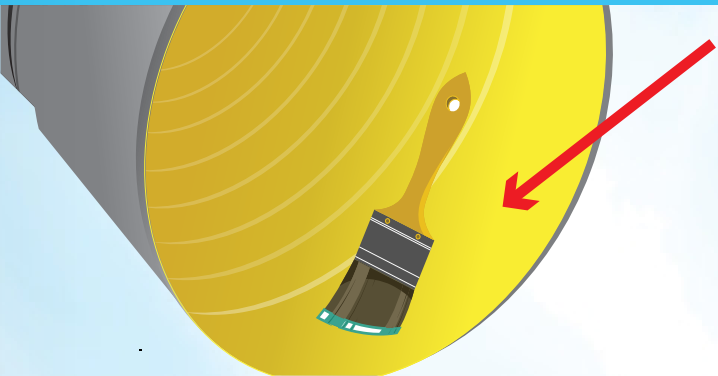
Lau sạch rãnh lắp gioăng và mặt trong của khớp nối. / Clean up the perforation for rubber seal and inside cuffs.

2. Lắp gioăng cao su / Rubber seal installation



Lắp gioăng vào rãnh thứ nhất của đầu ống. Điều chỉnh để gioăng vào đúng vị trí rãnh.
Fit the rubber seal into the 1st perforation of the pipe. Adjust the rubber seal at correct position.

3. Thoa chất bôi trơn / Lubricating agent application



Lưu ý / Notice:

Tuyệt đối không bôi chất bôi trơn vào phần tiếp xúc giữa gioăng và ống.

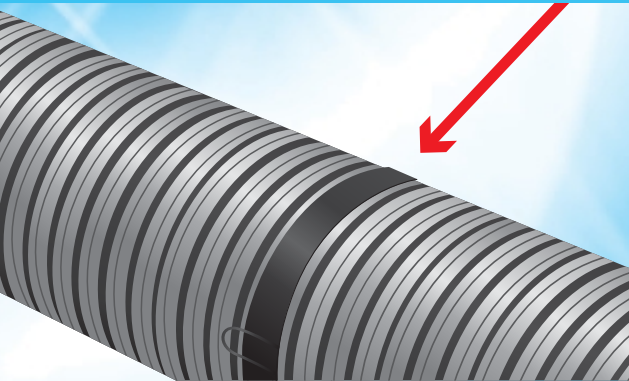
Do not apply lubricating agent onto the interaction between rubber seal and pipe.

Thoa đều chất bôi trơn lên bề mặt ngoài của gioăng và mặt trong khớp nối.
Apply lubricating agent onto the rubber seal surface and inside cuff

HƯỚNG DẪN KẾT NỐI ỐNG HDPE GÂN THÀNH ĐÔI

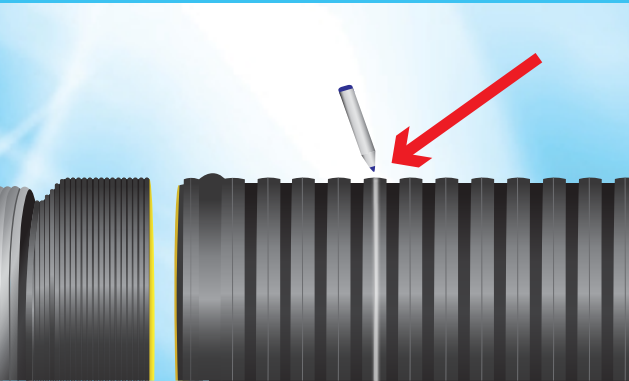
HDPE DOUBLE-WALL CORRUGATED PIPE CONNECTION GUIDE

4. Lắp thiết bị hỗ trợ / Installation of supportive devices



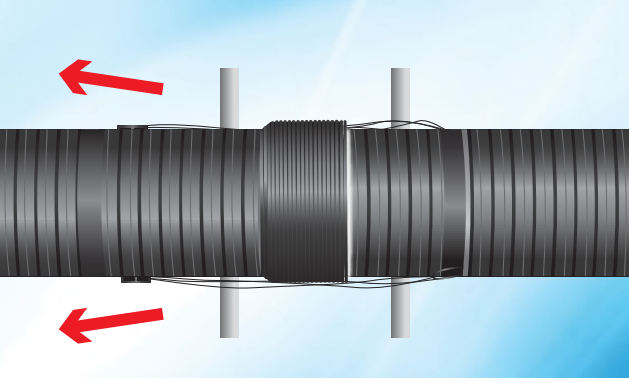
Lắp thiết bị hỗ trợ vào 2 đầu ống: dây cu-roa, cảo, thiết bị thủy lực, đai kẹp...
Connect supportive devices into 2 pipe ends: belt, manuscript, hydraulic devices, bracket, etc.

5. Đánh dấu vị trí giới hạn / Marking the limited position



Đánh dấu vị trí giới hạn trên đầu ống lắp gioăng.
Mark the limited position on the pipe with rubber seal.

6. Căn chỉnh và kết nối / Alignment and connection



Đặt 2 ống thẳng hàng, dùng cảo (tăng cáp) hay thiết bị chuyên dụng để lắp 2 ống vào đúng vị trí đã đánh dấu.
Place 2 pipes in a straight line, use manuscript (increased cable) or specialized devices to join 2 pipes into marked position.



Thông số chiều sâu lắp ống / The length of pipes which is placed into cuff:

Chiều dài đầu ống vào trong đầu nong được quy định theo đường kính danh nghĩa như sau:
The insertion depth of pipes into cuffs is specified according to the nominal diameter as follows:

Đường kính danh nghĩa (DN) / Nominal Diameter	Yêu cầu kỹ thuật chiều sâu kết nối / Technical requirements
Ống 110 mm / 110 mm pipe	Đầu ống vào sâu hết gân thứ 4 / Pipe places in the 4 th perforation
Ống 160 mm / 160 mm pipe	Đầu ống vào sâu hết gân thứ 4 / Pipe places in the 4 th perforation
Ống 250 mm / 250 mm pipe	Đầu ống vào sâu hết gân thứ 3 / Pipe places in the 3 rd perforation
Ống 315 mm / 315 mm pipe	Đầu ống vào sâu hết gân thứ 3 / Pipe places in the 3 rd perforation
Ống 500 mm / 500 mm pipe	Đầu ống vào sâu hết gân thứ 3 / Pipe places in the 3 rd perforation

CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH CỦA SẢN PHẨM

PRODUCT WARRANTY POLICY

THỜI GIAN BẢO HÀNH / WARRANTY PERIOD

5 năm kể từ ngày mua hàng.

5 years from the date of purchase.

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BẢO HÀNH / WARRANTY ELIGIBILITY

- Lỗi do nhà sản xuất:** Sản phẩm bị lỗi, không phù hợp với tiêu chuẩn Nhà sản xuất đã công bố.
- Sử dụng đúng mục đích:** Sản phẩm được sử dụng đúng theo hướng dẫn lắp đặt và sử dụng đã được cung cấp trên website hoặc các tài liệu đi kèm.
- Bảo quản, vận chuyển đúng cách:** Sản phẩm được bảo quản, vận chuyển theo đúng hướng dẫn trên website hoặc các tài liệu đi kèm.
- Có hóa đơn mua hàng hợp lệ hoặc phiếu bảo hành còn hiệu lực.**
- Phiếu bảo hành (nếu có):** Đối với sản phẩm có phiếu bảo hành đi kèm, phiếu bảo hành phải còn nguyên vẹn, không bị tẩy xóa hoặc sửa chữa thông tin.
- Manufacturer defects:** The product is faulty or does not meet the manufacturer's published standards.
- Correct usage:** The product is used for its intended purpose according to the installation and usage instructions provided on the website or accompanying documents.
- Proper storage and transport:** The product is stored and transported according to the instructions on the website or accompanying documents.
- Proof of purchase:** Possess a valid invoice or a warranty card that is still in effect.
- Warranty card (if any):** For products with an accompanying warranty card, the card must be intact, with no erasures or alterations to the information.

CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC BẢO HÀNH / CASES NOT COVERED BY WARRANTY

- Lỗi do người sử dụng:** Sản phẩm bị hư hỏng do lắp đặt, vận chuyển, sử dụng hoặc bảo quản không đúng theo hướng dẫn; sử dụng trong điều kiện tác động cơ học, hóa chất, nhiệt độ vượt giới hạn kỹ thuật.
- Tác động bên ngoài:** Sản phẩm bị hư hỏng do các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, động đất...v.v.
- Tự ý sửa chữa:** Sản phẩm đã bị tự ý sửa chữa, thay đổi cấu trúc bởi người mua hoặc bên thứ ba không được ủy quyền bởi Công ty.
- Sử dụng sai mục đích:** Sản phẩm được sử dụng không đúng với mục đích thiết kế ban đầu.
- Sản phẩm đã hết thời hạn bảo hành.**
- Mất hóa đơn mua hàng hoặc phiếu bảo hành** (trừ khi người mua tra cứu được thông tin mua hàng).
- User errors:** Damage caused by improper installation, transport, usage, or storage; usage under mechanical impacts, chemicals, or temperatures exceeding technical limits.
- External factors:** Damage caused by objective factors such as natural disasters, fire, earthquakes, etc.
- Unauthorized repairs:** The product has been repaired or had its structure altered by the buyer or an unauthorized third party.
- Misuse:** The product is used for purposes other than its original design.
- Expired warranty:** The product's warranty period has ended.
- Missing documents:** Loss of purchase invoice or warranty card (unless the buyer's purchase information can be retrieved).

CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH CỦA SẢN PHẨM

PRODUCT WARRANTY POLICY



QUY TRÌNH YÊU CẦU BẢO HÀNH / WARRANTY CLAIM PROCESS:

1.

Khách hàng liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng của Công ty qua:

▪ Điện thoại: 028 3969 0973

▪ Email: binhminh@binhminhplastic.com.vn

▪ Hoặc các kênh liên lạc khác được cung cấp.

Customers should contact the Customer Service Department via:

▪ Phone: 028 3969 0973

▪ Email: binhminh@binhminhplastic.com.vn

▪ or other provided contact channels.

2.

Cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm lỗi (tên sản phẩm, ngày mua, hóa đơn/phiếu bảo hành...) kèm theo hình ảnh hoặc video (nếu có) để mô tả tình trạng hư hỏng.

Provide detailed information about the faulty product (product name, purchase date, invoice/warranty card...) along with photos or videos (if any) to describe the damage.

3.

Công ty sẽ tiến hành kiểm tra và đánh giá tình trạng sản phẩm trong thời gian sớm nhất. Nếu sản phẩm đáp ứng các điều kiện bảo hành, Công ty sẽ tiến hành sửa chữa hoặc đổi mới sản phẩm theo quy định.

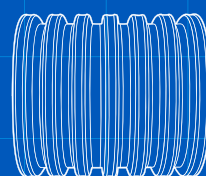
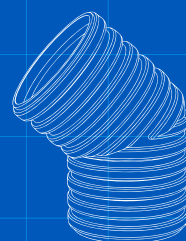
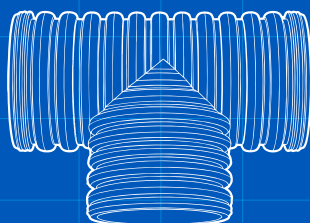
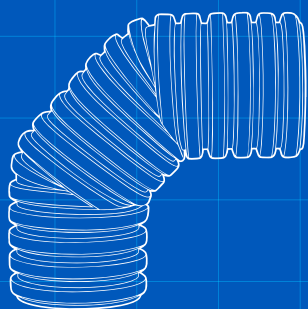
The company will inspect and assess the product's condition as soon as possible. If the product meets the warranty conditions, the company will proceed with repair or replacement according to regulations.
-  **Lưu ý / Note:**

▪ Thời gian giải quyết bảo hành có thể thay đổi tùy thuộc vào mức độ phức tạp của lỗi và tình trạng hàng hóa trong kho.

▪ Mọi chi phí vận chuyển sản phẩm bảo hành (nếu có) sẽ được thông báo cụ thể trong quá trình xử lý.

▪ Warranty resolution time may vary depending on the complexity of the fault and stock availability.

▪ Any shipping costs for warranty products (if any) will be specifically notified during the processing stage.
- Tel: (84) 28 3969 0973 | www.binhminhplastic.com.vn
-
- CATALOGUE
- ỐNG & PHỤ TÙNG ỐNG GÂN THÀNH ĐÔI HDPE / HDPE DOUBLE-WALL CORRUGATED PIPES & FITTINGS
- 12
- 13



NHỰA BÌNH MINH[®]

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
BINH MINH PLASTICS JOINT STOCK COMPANY

 240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP.HCM
240 Hau Giang Street, Binh Tay Ward, Ho Chi Minh City

 (84) 28 3969 0973

 (84) 28 3960 6814

 www.binhminhplastic.com.vn

06 - 2026